TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H1 phúc**

Bản án số: 125/2017/DS-PT
Ngày: 19-7-2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Hữu Chiến**.

Các Thẩm phán: Ông **Lâm Văn Be**;

Ông **Nguyễn Văn Son**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Cẩm Hà** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Trần Quốc Vương -** Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2017/TLPT-DS ngày 18 tháng 01 năm 2017, về Tranh chấp "Hợp đồng dân sự góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2016/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2016, của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 109/2017/QĐ-PT ngày 27 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị Thu D, sinh năm 1987; địa chỉ cư trú: Số 288, tổ 09, ấp BN, xã ĐT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974; địa chỉ cư trú: Số 296, tổ 10, ấp BN, xã ĐT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Lê Văn H1, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Số 296, tổ 10, ấp BN, xã ĐT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1964; địa chỉ cư trú: Số 288, tổ 09, ấp BN, xã ĐT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Bùi Thị Thu D là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 25/02/2016 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Bùi Thị Thu D trình bày:

Bà có tham gia hợp đồng góp hụi do bà Nguyễn Thị Thu H làm chủ thảo, bà tham gia 09 phần hụi gồm 05 dây và bà H có chuyển giao cho bà 01 phần hụi do bà H làm chủ, hụi hưởng hoa hồng. Cụ thể các dây hụi sau:

- Dây hụi thứ nhất: Kỳ mở hụi ngày 20/7/2014 (âm lịch) (năm 2014 nhuần hai tháng 9), hụi tháng, số tiền 2.000.000 đồng, gồm 39 phần, 29 thành viên, bà tham gia 02 phần, kỳ mãn hụi ngày 20/7/2017 (âm lịch). Bà góp 06 lần hụi sống số tiền 7.340.000 đồng. Ngày 20/12/2014 (âm lịch), bà kêu hụi số tiền 950.000 đồng, trúng hụi số tiền 45.600.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, thực lĩnh 44.600.000 đồng, bà H giao cho bà đủ 44.600.000 đồng. Việc giao nhận tiền trúng hụi không lập thành văn bản. Từ tháng 01 năm 2015 (âm lịch), bà không góp tiền hụi chết, bà thiếu bà H 37.260.000 đồng tiền hụi sống; phần thứ hai: Bà góp 07 lần hụi sống số tiền 8.390.000 đồng, chưa hốt hụi.

- Dây hụi thứ hai: Kỳ mở hụi ngày 05/9/2014 (âm lịch) (tháng 9 sau), hụi tháng, số tiền 1.000.000 đồng, gồm 39 phần, 35 thành viên, bà tham gia 02 phần, kỳ mãn hụi ngày 05/11/2017 (âm lịch), bà góp 05 lần hụi sống số tiền 2.870.000 đồng x 02 phần, thành tiền là 5.740.000 đồng.

- Dây hụi thứ ba: Kỳ mở hụi ngày 05/9/2014 (âm lịch) (tháng 9 sau), hụi tháng, số tiền 1.000.000 đồng gồm 39 phần, 35 thành viên, bà tham gia 02 phần, kỳ mãn hụi ngày 05/11/2017 (âm lịch), bà góp 05 lần hụi sống số tiền 2.835.000 đồng x 02 phần, thành tiền là 5.670.000 đồng.

- Dây hụi thứ tư: Kỳ mở hụi ngày 25/4/2014 (âm lịch), hụi tháng, số tiền 3.000.000 đồng, gồm 42 phần, 34 thành viên, bà tham gia 02 phần, kỳ mãn hụi ngày 25/8/2017 (âm lịch), bà góp 10 lần hụi sống, số tiền 16.585.000 đồng x 02 phần thành tiền là 33.170.000 đồng.

- Dây hụi thứ năm: Kỳ mở hụi ngày 30/5/2014 (âm lịch), hụi ½ tháng, số tiền 500.000 đồng, gồm 20 phần, 19 thành viên, bà tham gia 01 phần, số thứ tự 07, kỳ mãn hụi ngày 15/02/2015 (âm lịch). Ngày 30/5/2014 (âm lịch), bà kêu

hụi số tiền 100.000 đồng, trúng hụi số tiền 7.350.000 đồng, bà góp 19 lần hụi chết số tiền 9.500.000 đồng nên không nợ tiền hụi chết.

Ngày 26/02/2015 (âm lịch), bà H tuyên bố ngưng hụi.

Ngoài ra, bà H có chuyển giao phần hụi do bà H là thành viên cho bà, kỳ mở hụi ngày 10/11/2013 (âm lịch), gồm 26 phần, 24 thành viên, hụi tháng, số tiền 1.000.000 đồng. Bà H góp 12 lần hụi sống, không nhớ số tiền. Ngày 10/10/2014 (âm lịch), bà H kêu hụi số tiền 460.000 đồng, trúng hụi số tiền 19.020.000 đồng. Ngày 10/10/2014 (âm lịch) bà H giao cho bà 13 lần hụi sống x 540.000 đồng, thành tiền là 7.020.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 500.000 đồng, thực nhận 6.520.000 đồng. Sau khi lĩnh tiền trúng hụi, bà có nghĩa vụ trả cho bà H 13 lần hụi chết, số tiền 13.000.000 đồng, bà có trả cho bà H 04 lần hụi chết, số tiền 4.000.000 đồng, còn nợ lại 09 lần hụi chết, số tiền 9.000.000 đồng.

Hiện nay bà H còn thiếu bà 52.970.000 đồng tiền hụi sống. Bà còn thiếu bà H 37.260.000 đồng tiền hụi sống và thiếu tiền hụi chết của dây hụi bà H chuyển giao cho bà kỳ mở hụi ngày 10/11/2013 (âm lịch) 9.000.000 đồng.

Bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà H và ông H1 trả cho bà 122.000.000 đồng tiền hụi chết, bà có nghĩa vụ trả cho bà H và ông H1 60.000.000 đồng tiền hụi chết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà yêu cầu bà H cùng ông H1 trả cho bà 52.970.000 đồng tiền hụi sống và trả tiền lãi theo luật. Bà rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 58.799.492 đồng. Bà trả cho bà H cùng ông H1 37.260.000 đồng tiền hụi sống phần hụi thứ nhất của dây hụi mở ngày 20/7/2014 (âm lịch) và trả tiền lãi theo luật, trả 9.000.000 đồng tiền hụi chết của dây hụi bà H chuyển giao cho bà, không trả tiền lãi. Dây hụi mở ngày 30/5/2014 (âm lịch), bà đã góp đủ tiền hụi chết cho bà H nên bà không trả tiền theo yêu cầu của bà H.

Trong đơn khởi kiện phản tố ngày 29/4/2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn - bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:

Bà đồng ý với lời trình bày của bà Bùi Thị Thu D về hợp đồng góp hụi và chuyển giao phần hụi giữa bà và bà D. Hiện nay bà còn nợ bà D 52.970.000 đồng tiền hụi sống mà bà D đã góp. Bà D còn nợ bà 37.260.000 đồng tiền hụi sống, thiếu 9.000.000 đồng tiền hụi chết của dây hụi bà chuyển giao cho bà D. Riêng dây hụi mở ngày 30/5/2014 (âm lịch), hụi ½ tháng, số tiền 500.000 đồng, gồm 20 phần, 19 thành viên, bà D tham gia 01 phần, kỳ mãn hụi ngày 15/02/2015 (âm lịch). Ngày 30/5/2014 (âm lịch), bà D kêu hụi số tiền 100.000

đồng, trúng hụi số tiền 7.350.000 đồng, bà D góp 17 lần hụi chết số tiền 8.500.000 đồng, còn thiếu lại 02 lần hụi chết, số tiền 1.000.000 đồng.

Như vậy, tổng cộng bà D còn nợ bà tiền hụi là 47.260.000 đồng.

Trong văn bản phản tố, bà yêu cầu bà D trả cho bà và ông H1 74.000.000 đồng tiền hụi chết, nay bà xin rút một phần yêu cầu phản tố chỉ yêu cầu bà D trả cho vợ chồng bà số tiền hụi còn nợ là 47.260.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật.

Bà và ông H1 đồng ý trả cho bà D 52.970.000 đồng tiền hụi sống và trả tiền lãi theo luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Lê Văn H1 trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị Thu H là vợ chồng nhưng vào tháng 10 năm 2015 bà H thuê nhà trọ sống riêng. Ông và bà H ly thân từ tháng 10 năm 2015 cho đến nay. Ông không đồng ý trả tiền cho bà Bùi Thị Thu D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà D nhận tiền trúng hụi do bà H giao, bà không nhận tiền trúng hụi thay bà D và không ký tên vào giấy hốt hụi lập ngày 20/12/2014 (âm lịch) của bà H. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 142/2016/DS-ST ngày 29 tháng 11 năm 2016, của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 161, điểm a khoản 2 Điều 200, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi giữa nguyên đơn bà Bùi Thị Thu D đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn H1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thu D số tiền 63.200.508 đồng (sáu mươi ba triệu hai trăm nghìn năm trăm lẻ tám đồng).

3. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H đối với bà Bùi Thị Thu D.

4. Buộc bà Bùi Thị Thu D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn H1 số tiền 52.324.065 đồng (năm mươi hai triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H đòi bà Bùi Thị Thu D trả 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền hụi chết của dây hụi kỳ mở hụi ngày 30/5/2014 âm lịch.

Bù trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của bà Bùi Thị Thu D, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn H1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thu D số tiền 10.876.443 đồng (mười triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu D số tiền 58.799.492 đồng (năm mươi tám triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 21.675.935 đồng (hai mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi lăm) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và chi phí tố tụng khác.

Ngày 14-12-2016, bà Bùi Thị Thu D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà theo hướng số tiền sau khi bù trừ nghĩa vụ, vợ chồng bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn H1 phải trả cho bà là 44.400.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị Thu D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Các đương sự trong vụ án gồm nguyên đơn là bà Bùi Thị Thu D, bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1, bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D, bà H, ông H1 và bà Đ.

[2] Về kháng cáo của bà Bùi Thị Thu D:

[2.1] Đối với dây hụi thứ nhất, hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 20/7/2014 (AL), thấy rằng: Bà D cho rằng hụi chỉ gồm 37 phần, 29 thành viên, tuy nhiên, hồ sơ vụ án thể hiện ngày 20/12/2014 (AL), bà D kêu hụi số tiền 950.000 đồng, trúng hụi số tiền 45.600.000 đồng, trừ tiền hoa hồng 1.000.000 đồng, thực lĩnh 44.600.000 đồng, mẹ bà D là bà Nguyễn Thị Đ đã lãnh hụi thay bà D; Bà D cho rằng bà H tự ý giả mạo chữ ký của bà Nguyễn Thị Đ (Lé) vào Giấy hốt hụi ngày 20/12/2014 (AL) của dây hụi này, tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 2407/C54B ngày 08 tháng 9 năm 2016 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: "Chữ ký, dạng đọc được "Lé", chữ viết tên "Nguyễn Thị Đ Lé" dưới mục: Người nhận trên tài liệu cần giám định "Giấy hốt hụi" đề ngày 20/12/2014 (Ký hiệu A) so với mẫu chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Thị Đ trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1 đến M5) là do cùng một người ký và viết ra"; mặt khác, tại Kết luận giám định số 175/C54-P5 ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Viện Khoa học hình sự Tổng cục cảnh sát (giám định lại) đã kết luận: "Chữ ký "Lé" và các chữ "Nguyễn Thị Đ Lé" dưới mục "người nhận" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị Đ (Nguyễn Thị Đ Lé) trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M12 do cùng một người ký, viết ra. Đủ căn cứ xác định dây hụi này bà D tham gia 01 phần, đã hốt số tiền 44.600.000 đồng do mẹ bà D là bà Đ lãnh hụi thay (BL 22), từ tháng 01/2015 (AL) bà D không góp tiền hụi chết, bà D còn thiếu bà H 37.260.000 đồng.

[2.2] Đối với dây hụi 3.000.000 đồng, mở hụi ngày 25/4/2014 (AL), thấy rằng: Bà D cho rằng tham gia 02 phần trong dây hụi này, đã góp 11 lần hụi sống nhưng cấp sơ thẩm xác định bà chỉ góp 10 lần hụi sống, ngoài lời trình bày, bà D không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã góp 11 lần hụi sống, đối với dây hụi này, phía bị đơn cung cấp đầy đủ tài liệu thể hiện các hụi viên đã hốt 10 kỳ hụi, kỳ thứ 11 (01/2015 AL) đã ngừng hụi, không có hụi viên bỏ thăm hốt, các hụi viên đã hốt chết cũng không góp hụi, có căn cứ xác định bà D đã góp 10 lần

hụi sống cho dây hụi này, bà D tham gia 02 phần, số tiền 16.585.000 đồng x 02 phần thành tiền là 33.170.000 đồng.

[2.3] Đối với dây hụi 1.000.000 đồng, mở hụi ngày 05/9/2014 (AL) (tháng 9 sau): Bà D cung cấp bản sao bản án dân sự sơ thẩm số 74/2016/DS-ST ngày 29/7/2016 của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Tây Ninh và cho rằng cùng một dây hụi, cùng một Tòa án xét xử nhưng việc xác định tiền hụi là không thống nhất, thấy rằng, trong vụ án dân sự giữa bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị Thu H, việc xác định tiền hụi căn cứ vào lời khai, lời trình bày thống nhất giữa các bên, do bà H và bà Đ thống nhất bà Đ tham gia 03 phần hụi, hai dây hụi, đã góp 06 lần hụi sống; đối với bà D, ngoài lời trình bày, bà D không có tài liệu chứng minh đã góp 06 lần hụi sống, bà H chỉ thừa nhận bà D góp 05 lần hụi sống đối với dây hụi này, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định giá trị phần hụi của bà H thiếu bà Đ chênh lệch một kỳ hụi (tháng 02/2015 AL) so với phần hụi bà H thiếu bà D là có cơ sở; mặt khác, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện bà D ngừng góp hụi cho bà H (cả phần hụi sống và hụi chết) vào tháng 01/2015 (AL) là trùng khớp với kỳ góp hụi sống thứ 06 của dây hụi này và thời điểm bà D ngừng góp hụi tất cả các dây hụi mà bà H là chủ thảo, bà D là hụi viên. Do đó, kháng cáo này của bà D không có cơ sở xem xét.

Bà D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ theo kết quả giám định của Viện khoa học hình sự thì bà D (người yêu cầu giám định lại) phải chịu tiền chi phí giám định lại theo khoản 1 Điều 161 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Ghi nhận bà D đã nộp và Tòa án đã chi xong.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà D phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Bùi Thị Thu D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1, 2 Điều 161, điểm a khoản 2 Điều 200, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2, khoản 4 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hụi giữa bà Bùi Thị Thu D đối với bà Nguyễn Thị Thu H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H1.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn H1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thu D số tiền 63.200.508 đồng (sáu mươi ba triệu hai trăm nghìn năm trăm lẻ tám đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H đối với bà Bùi Thị Thu D.

Buộc bà Bùi Thị Thu D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn H1 số tiền 52.324.065 đồng (năm mươi hai triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi lăm đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H đòi bà Bùi Thị Thu D trả 1.000.000 đồng (một triệu đồng) tiền hụi chết của dây hụi kỳ mở hụi ngày 30/5/2014 âm lịch.

4. Bù trừ nghĩa vụ đối với yêu cầu của bà Bùi Thị Thu D, bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn H1 có nghĩa vụ trả cho bà Bùi Thị Thu D số tiền 10.876.443 đồng (mười triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thu D số tiền 58.799.492 đồng (năm mươi tám triệu bảy trăm chín mươi chín nghìn bốn trăm chín mươi hai đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện phản tố của bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 21.675.935 đồng (hai mươi mốt triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi lăm đồng).

5. Về chi phí giám định: Bà Bùi Thị Thu D và bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 4.220.000 đồng (bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định nhưng bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp 4.220.000 đồng (bốn triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng chi phí giám định. Bà Bùi Thị Thu D và bà Nguyễn Thị Đ phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H 4.220.000 đồng (bốn

triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Trách nhiệm từng người: Bà Bùi Thị Thu D và bà Nguyễn Thị Đ mỗi người phải hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H 2.110.000 đồng (hai triệu một trăm mười nghìn đồng). Đối với chi phí giám định lại 5.093.000 đồng (năm triệu không trăm chín mươi ba nghìn đồng) bà Bùi Thị Thu D phải chịu, ghi nhận bà D đã nộp, Tòa án đã chi xong.

6. Về án phí:

6.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn H1 phải chịu 3.160.025 đồng (ba triệu một trăm sáu mươi nghìn không trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc bà H và ông H1 trả tiền cho bà D và 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm bà H không được chấp nhận yêu cầu, tổng số tiền án phía dân sự sơ thẩm bà H và ông H1 phải chịu là 3.360.025 đồng (ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn không trăm hai mươi lăm đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thu H đã nộp là 1.850.000 đồng (một triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007495 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh. Bà Nguyễn Thị Thu H và ông Lê Văn H1 còn phải nộp thêm 1.510.025 đồng (một triệu năm trăm mười nghìn không trăm hai mươi lăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Bùi Thị Thu D phải chịu 2.616.203 đồng (hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn hai trăm lẻ ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà Bùi Thị Thu D đã nộp là 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009973 ngày 03 tháng 3 năm 2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh, bà Bùi Thị Thu D còn phải nộp thêm 1.066.203 đồng (một triệu không trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm lẻ ba đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị Thu D phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng), được trừ vào 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0008317 ngày 14 tháng 12 năm 2016, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND huyện TB;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Phòng KTNV.TAT;
- Các đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Hữu Chiến